

Bản án số: **30/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 23-5-2022

Về việc: “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Hiệp**

Ông **Thạch Ni**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2022/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Văn T**, sinh năm 1973 (xin vắng)

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 2, phường T, thành phố Đ, tỉnh B.

*Bị đơn: **Chị Đinh Thị Minh Th**, sinh năm 1976 (xin vắng)

Địa chỉ: Trường TH&THCS T, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Minh Th chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh B vào năm 2002.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tôn trọng nhau nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Nay, anh T xác định tình cảm giành cho chị Th đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Đinh Thị Minh Th.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 22/02/2004 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 05/9/2008. Khi ly hôn, do cháu T1 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trước đây anh T có yêu cầu được nuôi cháu T2 nhưng nay do cháu T2 có nguyện vọng được sống cùng chị Th nên anh T có yêu cầu giao cháu Nguyễn Minh T2 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu giải quyết về

cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Đinh Thị Minh Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Minh Th và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh B vào năm 2002.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự tôn trọng nhau trong cuộc sống nên dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Chị Th và anh T đã cố gắng để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn phát sinh nhưng không thành. Hiện chị Th và anh T đang sống ly thân gần 01 năm, không còn quan tâm đến nay. Chị Th xác định tình cảm giành cho anh T đã hết nên trước yêu cầu ly hôn của anh T thì chị Th cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 22/02/2004 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 05/9/2008. Khi ly hôn, chị Th đồng ý giao 02 con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con của anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Minh Th; giao cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 05/9/2008 cho chị Th trực tiếp, chăm nom nuôi dưỡng theo nguyện vọng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con chung với chị Đinh Thị Minh Th và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con " được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Do bị đơn là chị Đinh Thị Minh Th cư trú tại Trường TH & THCS T, huyện Đ, tỉnh B; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và bị đơn chị Đinh Thị Minh Th nhưng anh T và chị Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét cần áp dụng Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh T và chị Th.

Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Minh Th chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh B vào năm 2002. Xét đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, không có tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau dẫn đến mâu thuẫn. Anh T và chị Th không tìm được cách giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống hôn nhân nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, sống không có hạnh phúc. Từ năm 2021 đến nay cả hai sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Cả hai đều xác định tình cảm giành cho nhau đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Đinh Thị Minh Th là phù hợp.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 22/02/2004 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 05/9/2008. Do cháu T1 đã trên 18 tuổi nên anh T không yêu cầu giải quyết. Trước đây, anh T có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T2t nhưng nay cháu T2 có nguyện vọng được sống cùng chị Th nên anh T có ý kiến giao cháu T2 cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng chao đến khi trưởng thành. Xét thấy, yêu cầu của anh T phù hợp với nguyện vọng của cháu T2, mặt khác chị Th có công việc và thu nhập ổn định nên có đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu T2 nên yêu cầu của anh T về con chung được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Đinh Thị Minh Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 05/9/2008 cho chị Đinh Thị Minh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018752, ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- UBND p. Tân Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ – TỈNH BÌNH PHƯỚC

Vào hồi giờ phút, ngày 23 tháng 5 năm 2022

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Hương**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Phạm Hiệp**
Ông **Thạch Ni**

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số số 58/2022/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Văn T**, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 2, phường Tân Đồng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

*Bị đơn: **Chị Đinh Thị Minh Th**, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Trường TH&THCS Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Sau khi xem xét, thảo luận các thành viên trong Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 như sau :

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Đinh Thị Minh Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Triết, sinh ngày 05/9/2008 cho chị Đinh Thị Minh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018752, ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Biên bản kết thúc vào lúc 08 giờ 30 phút cùng ngày. Đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Hiệp - Thạch Ni

Nguyễn Thị Hương

